

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, ngày 15/5/2018, của
Chính phủ**

Căn cứ Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, ngày 15/5/2018, của Chính phủ, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo (Nghị quyết). Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý III/2018 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Ngày 15/5/2018 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 123/KH-UBND, ngày 20/7/2018, thực hiện Nghị quyết, nội dung đã cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết đến các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết

Tiếp tục thực hiện tốt quy định cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách trên các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài nguyên và môi trường, xây dựng, thuế, hải quan..., gắn với thực hiện thủ tục theo quy trình tiêu chuẩn ISO, công khai các thông tin, quy định, đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập mới doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt quy trình một cửa đăng ký kinh doanh, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập mới doanh nghiệp giảm còn 1,5 ngày, đăng ký thay đổi giảm còn 01 ngày và phần đầu giảm xuống còn 0,5 ngày; thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đúng hạn theo quy định của Luật Đầu tư 2014. Tính đến quý III/2018, đã cấp đăng ký mới 1.143 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 21.151 tỷ đồng, tăng 54,54% về số lượng doanh nghiệp so cùng kỳ và tăng 65,6% về vốn so cùng kỳ; đối với lĩnh vực đầu tư các dự án ngoài ngân sách, tỉnh đã thực hiện tốt quy trình thủ tục liên thông đầu tư các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án. Đồng thời, thực hiện tốt kiểm tra, giám sát đầu tư các dự án không sử dụng vốn ngân sách



nhà nước trên địa bàn tỉnh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện.

- Thực hiện thủ tục đầu tư các dự án tại các khu công nghiệp, tỉnh đã tiếp nhận hồ sơ thông qua dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử, giảm các thủ tục hồ sơ, rút ngắn thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp. Trong quý, đã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 10 hồ sơ và 03 hồ trong thời hạn giải quyết, gồm: 06 hồ sơ (lĩnh vực xây dựng); 04 hồ sơ (lĩnh vực đầu tư); 02 hồ sơ (lĩnh vực lao động) và 01 hồ sơ (lĩnh vực môi trường)... Thời gian rút ngắn giải quyết cho doanh nghiệp trung bình 05 ngày. Tính đến tháng 9/2018, tổng số dự án đầu tư trong 02 khu công nghiệp (KCN) (Thanh Lộc và Thuận Yên), có 26 dự án đăng ký đầu tư và 02 dự án đăng ký mở rộng, tổng diện tích đăng ký 161,78 ha¹, đã có 08 dự án đi vào hoạt động: Bia, gỗ, vật liệu xây dựng, giày thể thao (Hàn Quốc), giày dép xuất khẩu TBS, nước, viễn thông, gạch tynel.

- Về công tác đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp. Trong quý III/2018, tỉnh đã tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp lần 2, đã giải quyết các nội dung kiến nghị, vướng mắc cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh năm 2018.

- Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết các công việc hành chính liên quan đến tổ chức và công dân; hội nghị trực tuyến giữa tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bản và điều hành được duy trì và phát huy hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh có 37/37 cơ quan, đơn vị hành chính cấp tỉnh và huyện triển khai xây dựng hệ thống cổng/trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP, ngày 13/6/2011, của Chính phủ, về việc quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; hoàn chỉnh việc nâng cấp phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc và đã triển khai đến 100% các sở, ngành và địa phương. Trong 9 tháng đầu năm, đã có 81.731 văn bản được gửi nhận qua môi trường mạng (trong đó tổng số văn bản đến là 55.088, tổng số văn bản đi là 26.643). Hoàn thiện hệ thống một cửa điện tử tại 21 sở, ngành tỉnh, cung cấp 1.009 dịch vụ công (DVC) mức 2, 328 DVC mức 3 và 68 DVC mức 4. Trong 9 tháng đầu năm, đã có 41.297 hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trên hệ thống một cửa điện tử sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tỉnh đã ban hành 11 quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC), với tổng số 435 TTHC (trong đó: Công bố TTHC mới 396 thủ tục; hủy bỏ 303 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 39 thủ tục). Tiếp nhận và xử lý 11 ý kiến phản ánh, kiến nghị về quy trình TTHC, đã phân loại và chuyển cơ quan chức năng xử lý, đến nay hầu hết đã xử lý xong. Duy trì thực hiện cơ chế một cửa tại 21/22 các cơ quan chuyên môn

¹ Trong đó: Có 20 dự án đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tổng diện tích đăng ký là 92,67 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư là 5.956,82 tỷ đồng; 08 dự án đã thỏa thuận đầu tư (trong đó có 02 dự án mở rộng) và đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, khảo sát vị trí dự án.

trực thuộc UBND tỉnh, 15/15 huyện, thị xã, thành phố và 145/145 xã, phường, thị trấn; 06 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế; duy trì thực hiện mô hình cơ chế một cửa điện tử tại 21/22 các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện cải cách quy trình, thủ tục hành chính về xây dựng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, rút ngắn thời gian thẩm định, thời gian trung bình 01 - 02 ngày/hồ sơ. Tính đến quý III/2018, đã thẩm định 18 hồ sơ dự án + thiết kế cơ sở, 26 hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, 44 hồ sơ thiết kế dự toán; giải quyết các vướng mắc cho doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015, của Chính phủ, về quản lý dự án đầu tư xây dựng; thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu giai đoạn của chủ đầu tư nhằm kịp thời chấn chỉnh các sai sót, tồn tại trong quá trình xây dựng; tổ chức kiểm tra nghiệm thu chặt chẽ (hồ sơ và thực tế công trình) sau khi công trình hoàn thành.

- Thực hiện niêm yết công khai 11 thủ tục hành chính đối với lĩnh vực tài chính thuộc thẩm quyền. Trong đó, có 02 thủ tục chờ Bộ Tài chính công bố mới theo quy định (*thủ tục quyết toán vốn đầu tư, đã xây dựng lại và thực hiện nhưng chưa công bố*). Đang tiến hành rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động sự nghiệp; đã triển khai thực hiện 09/11 thủ tục hành chính, qua dịch vụ công trực tuyến qua đường bưu điện²; đang thực hiện 11 thủ tục hành chính, qua dịch vụ công trực tuyến (trang của UBND tỉnh), tại bộ phận một cửa tiếp nhận và trả kết quả đúng thời gian quy định. Đề xuất Chính phủ phân bổ vốn hỗ trợ của Trung ương cho tỉnh, dành một phần ngân sách địa phương cho công tác hỗ trợ, ưu đãi cho doanh nghiệp theo quy định.

- Thực hiện kê khai và nộp thuế điện tử 30.064/30.921 tờ khai, đạt 97,23%, rút ngắn thời gian và chi phí đi lại cho doanh nghiệp; giảm số giờ giải quyết thủ tục thuế xuống còn 117 giờ/năm; công khai, niêm yết và giải quyết TTHC thuế, đã cắt giảm từ 183 bộ thủ tục xuống còn 165 bộ thủ tục³, giảm 18 bộ thủ tục; tại chi cục thuế đã cắt giảm từ 172 bộ thủ tục xuống còn 123 bộ thủ tục⁴, giảm 49 bộ thủ tục. Tính từ đầu năm đến 31/8/2018 đã hoàn thuế GTGT với tổng số thuế được hoàn 292,965 tỷ đồng.

- Triển khai vận hành hệ thống VNACCS/VCIS đối với lĩnh vực hải quan, giảm thời gian thông quan hàng hóa và giảm chi phí phát sinh cho doanh nghiệp; tăng cường quản lý rủi ro trong thông quan, xây dựng và cập nhật các tiêu chí lựa chọn kiểm tra; thực hiện 100% tờ khai, thủ tục được khai báo và xử lý hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS; vận hành có hiệu quả hệ thống kiểm

² Trong đó: Có 02 thủ tục thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư nhiều hồ sơ nên không đăng ký nhận qua dịch vụ hành chính công.

³ Gồm 06 lĩnh vực: Đăng ký thuế 33 bộ, khai thuế 73 bộ, hoàn thuế 13 bộ, miễn giảm 17 bộ, hóa đơn 13 bộ, xác nhận gia hạn, khai bổ sung...18 bộ).

⁴ Gồm 06 lĩnh vực: Đăng ký thuế 31 bộ, khai thuế 58 bộ, hoàn thuế 05 bộ, miễn giảm thuế 08 bộ, hóa đơn 13 bộ, xác nhận, gia hạn, khai bổ sung 08 bộ).

tra giấy phép thông qua một cửa quốc gia kết nối với các Bộ, ngành; triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4 tại các đơn vị trực thuộc; thực hiện cập nhật, niêm yết công khai minh bạch đơn giản hoá thủ tục hành chính; thực hiện thu phí, lệ phí điện tử đối với các thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa quốc gia. Tính từ 15/6 đến 15/9/2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 68.034.743 USD, tăng 53,59% so cùng kỳ, trong đó: Kim ngạch xuất khẩu 43.147.159 USD, tăng 24,6% so cùng kỳ.

- Tiếp tục rà soát và đề xuất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) hoàn thiện các quy trình giải quyết TTHC theo hướng nâng lên cấp độ 3, 4 trong giai đoạn 2018 - 2020. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 15/06/2018, của Thủ tướng Chính phủ, về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV theo chỉ đạo của NHNNVN; đẩy mạnh chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp; tranh thủ nguồn vốn từ các chương trình tín dụng từ hội sở chính mở rộng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên; công khai hóa thủ tục cho vay, cung cấp dịch vụ với khách hàng. Trong quý III/2018, NHNNVN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang, ban hành mới 17 quy trình TTHC và ban hành sửa đổi 10 quy trình TTHC theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết (mỗi quy trình giảm từ 01 - 02 ngày); tiếp nhận 15 TTHC, nâng tổng số TTHC tiếp nhận lũy kế từ đầu năm 117 TTHC (100% TTHC giải quyết trước thời hạn và không có TTHC tồn đọng). Trong quý III/2018, các TCTD trên địa bàn tỉnh đã cho vay ước đạt 37.500 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay 63.600 tỷ đồng, tăng 12,5% so đầu năm; các chương trình tín dụng thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ tăng trưởng khá, trong đó cho vay: Nông nghiệp, nông thôn, tăng 13,19%; xây dựng nông thôn mới, tăng 9,63%; giảm tồn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản, tăng 3,86% so đầu năm; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch ước đạt 750 tỷ đồng. Cho vay hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, ngày 07/7/2014, của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, đã giải ngân đạt 97,82% tổng số tiền cam kết cho vay của 48 tàu; cho vay sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu tăng 17,59% so với đầu năm; cho vay DNNVV tăng 6,96% so đầu năm; thực hiện miễn, giảm lãi cho 03 hợp đồng tín dụng với số tiền 18 triệu đồng. Triển khai kịp thời các chương trình tín dụng ưu đãi, kết hợp với các giải pháp tiết giảm chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh từ đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay.

- Thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo đúng quy định. Đã rà soát, công bố chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính 115 thủ tục, trong đó, có 93 thủ tục cấp tỉnh, 17 thủ tục cấp huyện, 05 thủ tục cấp xã; đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đang thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đối với 7 lĩnh vực (đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn). Đang thực hiện điều chỉnh, sửa đổi các quy định, cơ

ché, chính sách để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như: Hoàn chỉnh và lấy ý kiến 03 văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND, ngày 17/6/2015, của UBND tỉnh, quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND, ngày 17/6/2015, của UBND tỉnh, quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND, ngày 19/6/2017, của UBND tỉnh, quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang). Thực hiện bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa đã rút ngắn thời gian xử lý giảm 10% so với quy định (trong 93 thủ tục có 05 thủ tục không quy định thời gian giải quyết), cụ thể là giảm 37/88 thủ tục cấp tỉnh như: Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp theo quy định thời gian thực hiện là 20 ngày, đối với vùng có điều kiện kinh tế khó khăn thì được thêm 15 ngày, trong bộ TTHC mới ban hành, thời gian chỉ còn 30 ngày giảm 5 ngày so với quy định; thủ tục cấp lại giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất thời gian thực hiện là 30 ngày giảm 15 ngày so với quy định; thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định là 45 ngày nhưng giảm còn 35 ngày; thủ tục báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định là tổng thời gian giải quyết là 50 ngày, nay còn 35 ngày làm việc giảm 15 ngày. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án về đất đai và môi trường, trong đó có một số đề tài, dự án quan trọng như: Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh⁵. Từ đầu năm đến nay, đã triển khai kết luận 02 đoàn thanh tra về quản lý sử dụng đất; triển khai 01 đoàn thanh tra trách nhiệm; 02 đoàn kiểm tra việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường đối với các nhà máy xay xát và sản xuất bột cá; triển khai kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong việc tận thu đất trong cải tạo ao nuôi tôm và đất nhiễm phèn tại huyện Kiên Lương, Giang Thành để làm nguyên liệu sản xuất gạch...

- Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25/10/2013, (nay là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); Quyết định số 606/QĐ-BCT, ngày 21/01/2015, của Bộ Công Thương, về việc ban hành lộ trình xây dựng vùng nguyên liệu hoặc thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ thóc, gạo của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo giai đoạn 2015 – 2020. Đến nay, tỉnh đã triển khai, hướng dẫn các sở, ngành liên quan và UBND các huyện nơi có vùng sản xuất lúa và các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện; hỗ trợ liên kết sản xuất – tiêu thụ lúa giữa nông dân và doanh nghiệp với diện tích 113.936ha, chiếm 19,98% diện tích gieo sạ.

⁵ Đến nay cơ bản đã hoàn thành, kết thúc các công đoạn để chuyển giao về cho địa phương tiếp tục thực hiện tại thị xã Hà Tiên; tiếp tục thực hiện việc giám sát đơn vị thi công tại huyện Châu Thành, Giang Thành và thành phố Rạch Giá; đã phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán huyện Kiên Lương, Kiên Hải và Hòn Đất; tổ chức chọn thầu lập thiết kế kỹ thuật – dự toán huyện Phú Quốc; đang trình UBND tỉnh xin chủ trương lập thiết kế kỹ thuật – dự toán huyện Gò Quao, Vĩnh Thuận.

Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng trên địa bàn tỉnh. Tính đến quý III/2018, đã kiểm tra 1.721 vụ, trong đó xử lý 290 vụ và thu nộp ngân sách nhà nước trên 6,86 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách khuyến công, hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào dây chuyền sản xuất. Đến nay đã hỗ trợ 04 đề án, tổng số tiền 800 triệu đồng từ nguồn kinh phí của tỉnh và xét hỗ trợ 01 đề án khuyến công quốc gia, tổng số tiền 300 triệu đồng từ nguồn kinh phí của Trung ương. Thực hiện Thông tư số 28/2018/TT-BTC, ngày 28/3/2018, của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công, tỉnh đang hoàn thiện quyết định ban hành quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, trong quý IV năm 2018.

Thời gian tiếp cận điện năng đã được rút ngắn, đối với lưới điện trung từ 36 ngày xuống còn 13 ngày⁶; lưới điện trên không cấp giấy phép xây dựng không quá 07 ngày làm việc và không quá 10 ngày làm việc đối với lưới điện trung áp ngầm cấp phép. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thỏa thuận với chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, đơn vị điện lực thực hiện công tác khảo sát thiết kế và ký biên bản thỏa thuận tại chỗ⁷ trong 01 ngày; thực hiện thủ tục thẩm định, trình phê duyệt bổ sung các dự án đầu tư xây dựng công trình điện có công suất trên 2.000kVA vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không quá 10 ngày làm việc (chưa có hồ sơ đề nghị bổ sung) và thực hiện thủ tục xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường không quá 10 ngày làm việc.

Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo hội nhập quốc tế tỉnh Kiên Giang; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu gắn với xây dựng thương hiệu địa phương; tập trung vào các thị trường đã ký kết các hiệp định thương mại tự do nhằm tận dụng các ưu đãi về thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp chủ động hội nhập hiệu quả, nâng cao chất lượng thông tin, dự báo thị trường. Đề nghị Bộ Công Thương xét chọn, công nhận 05 doanh nghiệp trong tỉnh đạt “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2017”. Tiếp tục thực hiện thỏa thuận hợp tác về cấp nước và xử lý nước thải với thành phố Kobe – Nhật Bản; hợp tác phát triển ngành thủy sản với tỉnh Yamaguchi - Nhật Bản. Trong quý III/2018, đã tiếp nhận hồ sơ của 04 doanh nhân của 02 công ty TNHH được sử dụng thẻ APEC là Công ty TNHH Khai thác hải sản và chế biến nước mắm Thanh Hà (3 doanh nhân) và Công ty TNHH MTV Thạnh Thới (1 doanh nhân).

- Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính trên lĩnh vực giao thông thuộc thẩm quyền. Công khai thủ tục hành chính đầy đủ, đúng quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của sở và một cửa của đơn vị trực thuộc các lĩnh vực:

⁶ Không bao gồm thời gian của cơ quan cấp giấy phép xây dựng, thỏa thuận vị trí cột, trạm điện.

⁷ Gồm: Vị trí cột, trạm điện và hành lang lưới điện tại chỗ.



Đăng kiểm 05 TTHC, đường bộ 69 TTHC, đường thủy nội địa 34 TTHC, hàng hải 03 TTHC. Thực hiện cơ chế một cửa qua đường bưu điện, đã trả kết quả thủ tục hành chính đến tận tay cho người dân có nhu cầu, giảm thời gian đi lại; đang triển khai xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO theo mô hình khung; triển khai áp dụng các phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 - 4 đối với các thủ tục hành chính tại đơn vị. Thực hiện kiểm soát việc đăng ký giá của các đơn vị kinh doanh vận tải; thực hiện kê khai, niêm yết giá tại các nơi giao dịch, quầy vé, tại các đầu cảng, bến..., theo đúng quy định. Tổ chức công bố rộng rãi danh mục, kế hoạch đầu tư ngành giao thông vận tải đến năm 2020. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm của tỉnh trong kế hoạch trung hạn, trong đó: Hoàn thành các tuyến đường: Lâm Quang Ky, Nguyễn Chí Thanh và cầu Bông Súng, cầu Mương Lộ trên đường tỉnh ĐT.962; hoàn thành 10 dự án sau năm 2018, gồm các tuyến: ĐT.961, ĐT.971, đường Nam Thái Sơn, đường ven sông Cái Lớn, đường Kênh Chung Bàu, đường Ngô Quyền; cầu thị trấn Gò Quao, 07 cầu trên tuyến ĐT.964, 06 cầu trên đường huyện Mỹ Thái và dự án xây dựng cầu dân sinh. Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo kết nối giao thông thông suốt từ tỉnh đến huyện, xã. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông: Nâng cấp mở rộng đường Dương Đông – Cửa Cạn – Gành Dầu (đường ĐT.975B ven biển phía Tây đảo) và tuyến nhánh kết nối, đề xuất đầu tư bằng hình thức BT; tuyến đường bộ ven biển (đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), đề xuất đầu tư bằng hình thức BT; đường ven biển Rạch Giá – Hòn Đất; cảng hành khách Rạch Giá; giai đoạn 1 Cảng Hòn Chông; Cảng Hà Tiên; Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp trên sông Cái Lớn; nâng cấp, mở rộng Cảng Bãi Vòng – Phú Quốc.

- Thực hiện Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tỉnh đã rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng phù hợp quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2008, của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN, ngày 15/6/2018, của Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ như: Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định; thủ tục cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp; thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 02 nhập khẩu; đã hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký sử dụng mã số, mã vạch theo quy định của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Đối với công tác cập nhật thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và triển khai thông tin cho các doanh nghiệp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Trong

quý III/2018, đã cập nhật mới 225 danh mục tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), 06 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), một số danh mục tiêu chuẩn được cập nhật có liên quan đến sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh như: Gạo, thủy sản; phân bón; giống cây trồng. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi cập nhật được đăng trên trang thông tin quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Kiên Giang.

Về xây dựng, phát triển thương hiệu; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hoạt động sáng kiến, đã xây dựng xác lập quyền cho 07 nhãn hiệu tập thể tại các địa phương trong tỉnh: Dưa Hoàng Kim Vĩnh Thuận; Cá bớp Nam Du, Kiên Hải; Tiêu Hòn Tre; Tôm khô Hà Tiên; Chuối xiêm U Minh Thượng; Cua biển An Minh; Tôm Càng xanh Gò Quao. Hỗ trợ các chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể xây dựng quy chế quản lý và phát triển 05 nhãn hiệu đã được bảo hộ: Cỏ bàng Phú Mỹ, Sò huyết An Biên - An Minh, Hồ tiêu Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Tiêu Ngọc Hòa, Khóm Vĩnh Phước A. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 94/KH-UBND, ngày 10/5/2018, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương Mại HPQ Phú Quốc.

- Triển khai nâng cấp hệ thống một cửa điện tử (MCĐT) cấp huyện, đảm bảo tính đồng bộ và liên thông của hệ thống toàn tỉnh theo các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin, truyền thông. Tính đến quý III/2018, đã có 67.890 hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên hệ thống MCĐT tại các sở, ngành 3.954 hồ sơ và UBND huyện, thị xã, thành phố 63.936 hồ sơ, đã có 619.251 lượt luân chuyển văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước tỉnh thông qua phần mềm. Hệ thống thư điện tử giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước 6.562 tài khoản (tăng 1.189 tài khoản so với quý II); có 100% các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện được đầu tư công nghệ thông tin điện tử riêng để cung cấp thông tin rộng rãi đến người dân và các tổ chức.

- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả 2.198 hồ sơ lĩnh vực tư pháp; giải quyết 1.883 hồ sơ, trong đó: Trả trước hạn 1.814 hồ sơ, đạt 96,3%; trả đúng hạn 22 hồ sơ, đạt 1,3%; trả quá hạn 47 hồ sơ, đạt 2,4% và đang giải quyết 315 hồ sơ. Đã phối hợp với Bưu điện tỉnh cung ứng dịch vụ chuyển phát hồ sơ, trả kết quả cấp phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu điện, góp phần giảm chi phí đi lại cho người dân.

- Thực hiện tốt công tác đơn giản hoá thủ tục hành chính trên lĩnh vực y tế; tập trung chuẩn hóa, rà soát đơn giản hoá, công bố thủ tục hành chính ở các lĩnh vực ngành quản lý. Tiến hành rà soát các quyết định Bộ Y tế để công bố, đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian ở mức tối thiểu trong việc thẩm định, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực y tế. Thực hiện đúng quy trình về trình tự, thủ tục hành chính, trong đó: Có 06 lĩnh vực thủ tục hành

chính được công bố công khai tại bộ phận một cửa. Hầu hết các cơ sở khám, chữa bệnh (KCB) trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng công nghệ thông tin. Các cơ sở KCB tuyến xã/phường/thị trấn đã triển khai đồng bộ phần mềm VNPT-HIS cho 135 cơ sở trong toàn tỉnh⁸, còn lại 08 cơ sở KCB chưa sử dụng phần mềm HIS; các cơ sở KCB tuyến huyện/thị xã/thành phố đã phối hợp đưa vào sử dụng phần mềm VNPT-HIS 15/15 cơ sở⁹; triển khai hệ thống kết nối máy xét nghiệm tự động cho 14 cơ sở KCB với tổng số 47 máy xét nghiệm, góp phần trả kết quả tự động nhanh và chính xác, giảm thời gian chờ bệnh nhân. Các cơ sở KCB tuyến tỉnh/huyện/xã đã nâng cấp phần mềm KCB HIS đã kết nối liên thông dữ liệu và thanh toán BHYT. Đến nay, toàn tỉnh có 15/15 huyện; tuyến tỉnh có 3/3 cơ sở KCB đã cập nhật chuẩn dữ liệu cập nhật hoàn tất danh mục theo Quyết định số 4210/QĐ-BYT, ngày 20/9/2017, của Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Trong quý III/2018, đã kiểm tra công tác an toàn thực phẩm 6.126 cơ sở, trong đó 5.108 cơ sở đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) theo quy định và 1.018 cơ sở chưa đảm bảo VSATTP theo quy định; đã xử lý vi phạm hành chính 166 cơ sở¹⁰; áp dụng hình thức phạt bổ sung, tiêu hủy sản phẩm tại chỗ với số lượng 13 loại (tương đương 91,5kg) và nhắc nhở 852 cơ sở; tham mưu thay đổi một số nội dung đối với công tác quản lý an toàn thực phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018, của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm, cụ thể: Ngừng việc tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm thực phẩm theo phân cấp quản lý; tổ chức họp thống nhất các ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương về việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ tự công bố các sản phẩm theo phân cấp.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến đào tạo, tuyển dụng và sử dụng lao động; thường xuyên tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động làm việc tại các công ty tại huyện Phú Quốc, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Khu cảng cá Tắc Cậu, huyện Châu Thành, và tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong 9 tháng/2018, đã tư vấn việc làm 28.652 lượt lao động, đạt 84,3% so kế hoạch; giới thiệu việc làm 4.911 lao động, đạt 78% kế hoạch. Tổng số lao động có việc làm 4.019 lao động, đạt 78,8% kế hoạch; tổng số lao động có lịch xuất cảnh 55 lao động¹¹; tổng số người tham gia xuất khẩu lao động 123 người¹², trong đó thực tập sinh tại Nhật Bản 11 người, xuất khẩu lao động cá nhân 28 người. Duy trì và đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tập trung cải cách hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Kiên Giang, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc

⁸ Trong đó: Có 121 Trạm y tế và 14 phòng khám đa khoa.

⁹ Trong đó: Có 04 Trung tâm Y tế có giường bệnh và 11 bệnh viện đa khoa

¹⁰ Trong đó: Có 34 cơ sở bị phạt, với số tiền 48,1 tỷ đồng; cảnh cáo 26 cơ sở và 106 cơ sở cam kết đảm bảo không tái phạm.

¹¹ Trong đó: Có 121 Nhật Bản, 31 Hàn Quốc, 03 Đài Loan.

¹² Trong đó: Có 51 Nhật Bản, 33 Hàn Quốc, 32 Đài Loan, 04 Ả Rập.

quản lý, thống kê và tuyển dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng người lao động nước ngoài làm việc tại đơn vị:

+ Cổng thông tin dịch vụ công quản lý người lao động nước ngoài, thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quản lý <http://dvc.vieclamvietnam.gov.vn/>. Đây là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và có sự kết nối giữa địa phương và Trung ương thông qua hệ thống.

+ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh (sở, ngành): <https://dichvucong.kiengiang.gov.vn/>. Thực hiện thủ tục hành chính “Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài” ở mức độ 4, đang đề nghị bổ sung thêm 01 mức độ 4 là thủ tục “Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài”, nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) đối với các thủ tục kê khai và giải quyết các chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) và bảo hiểm tai nạn (BHTN). Hiện nay, toàn tỉnh có 2.479 đơn vị thực hiện giao dịch điện tử (cấp sổ BHXH, cấp thẻ BHYT), đạt 85,72%, còn lại thực hiện giao nhận hồ sơ qua đường bưu điện. Đồng thời, triển khai thực hiện giao dịch điện tử (GDĐT) trong giải quyết các chế độ ngắn hạn (ôm đau, thai sản, dưỡng sức). Từ đầu năm đến nay, BHXH tỉnh đã tiếp nhận 97.497 lượt hồ sơ, đã trả 96.371 hồ sơ (trễ hẹn 10.374 hồ sơ, 10,7%), còn lại 1.126 hồ sơ chưa đến hạn giải quyết. Một số thủ tục giải quyết chế độ, chính sách đã giảm từ 20% đến 46% thời gian giải quyết so với trước đây, việc rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC như ốm đau, thai sản, dưỡng sức, BHXH một lần, giải quyết lương hưu, trợ cấp hàng tháng, tuất..., đã nhận được sự ủng hộ, đồng tình của người tham gia như:

Giải quyết TTHC	Theo quy định của BHXH Việt Nam	Thời gian giải quyết tại BHXH tỉnh	Giảm so với quy định
Ôm đau	10 ngày	08 ngày	20%
Thai sản	10 ngày	08 ngày	20%
Dưỡng sức	10 ngày	08 ngày	20%
BHXH một lần	10 ngày	08 ngày	20%
TNLD-BNN	10 ngày	09 ngày	10%
Giải quyết lương hưu, trợ cấp hàng tháng	20 ngày	12 ngày	40%

Tuất	15 ngày	08 ngày	46,6%
Điều chỉnh, sửa thẻ BHYT	03 ngày	In ngay trong ngày làm việc, sau khoảng 15-20 phút	

- Từ năm 2016, BHXH tỉnh đã lắp đặt máy vi tính và đường truyền Internet tốc độ cao cho tất cả cơ sở khám chữa bệnh (KCB) BHYT công lập trên địa bàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 155/155 cơ sở KCB đều có sử dụng phần mềm quản lý KCB (HIS) kết nối liên thông và chuyển dữ liệu đến hệ thống thông tin giám định BHYT. Tỷ lệ hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí KCB BHYT đạt 100%. Tỷ lệ liên thông dữ liệu đúng ngày của tỉnh là 43%. Trong quý III, đã giám định thanh toán BHYT trên phần mềm cho 506.732 lượt người KCB BHYT với tổng chi ước khoảng 202,4 tỷ đồng, số chưa chấp nhận thanh toán sau thẩm định quý III ước khoảng 5 tỷ đồng.

II. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Thuận lợi

Tỉnh đã tích cực chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, minh bạch, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai định hướng các quy hoạch; đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất sạch, đáp ứng nhu cầu mặt bằng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; triển khai đồng bộ có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn kịp thời, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, tạo động lực khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Tập trung cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động khu vực công, hàng quý đã tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp và nhà đầu tư để lắng nghe những kiến nghị, chia sẻ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, từ đó có những giải pháp hỗ trợ kịp thời và hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo.

2. Khó khăn, vướng mắc

Mặc dù tỉnh đã có nhiều giải pháp chỉ đạo điều hành để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhưng vẫn còn một số khó khăn vướng mắc, cụ thể như sau:

- Kết cấu hạ tầng tuy được đầu tư phát triển nhưng còn thiếu và chưa đồng bộ; hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nền hành chính điện tử còn hạn chế, trình độ công nghệ thông tin cũng như cơ sở vật chất chưa đồng bộ nên các doanh nghiệp còn gặp khó khăn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác, công khai các loại thủ tục hành chính cũng như sự phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, giữa cơ quan và doanh nghiệp chưa được nhịp nhàng và hiệu quả. Chưa có bước đột phá trong việc ứng dụng công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp;

- Các cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính của cơ quan đơn vị không ổn định, thường xuyên luân chuyển, thay đổi nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

- Công tác cải cách hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường còn một số khó khăn, nhất là số lượng thủ tục hành chính về đất đai; công tác phối hợp, trao đổi, lấy ý kiến giữa các sở, ngành có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính còn chậm có ý kiến phản hồi.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

- Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính và Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 29/01/2016, của UBND tỉnh, về xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang theo Nghị Quyết số 36a/NQ-CP, của Chính phủ;

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nội dung kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Thường xuyên cập nhật đúng, đủ, kịp thời thủ tục hành chính mới đang có hiệu lực thi hành, đồng thời tổ chức niêm yết công khai đúng quy định tại trụ sở cơ quan, trên trang thông tin điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện và giám sát thực hiện thủ tục hành chính. Tiếp tục rà soát các quy định, thủ tục hành chính rườm rà, không cần thiết để kịp thời sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền;

- Kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy nhanh tiến độ thi công dự án.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu gắn với xây dựng thương hiệu địa phương; tập trung vào các thị trường mà Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại tự do nhằm tận dụng các ưu đãi về thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu; nâng cao chất lượng thông tin, dự báo thị trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. Duy trì và thực hiện có hiệu quả thủ tục hải quan điện tử từ hệ thống VNACCS/VCIS; hệ thống dịch vụ công trực tuyến; hệ thống nộp thuế điện tử và thông quan 24/7; cơ chế một cửa quốc gia; cơ chế một cửa ASEAN; khai thác và sử dụng có hiệu quả phần mềm nghiệp vụ;

các trang thiết bị công nghệ thông tin; máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ. Thực hiện xây dựng mới và nâng cấp các phần mềm đã được trang bị đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý./Dad

Nơi nhận:

- VPCP;
- Bộ KH và ĐT;
- TT TU;
- TT HỖND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nhsuong.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng

VIỆN